

Vốn văn hóa và tiếp cận vốn văn hóa trong phát triển sinh kế cho phụ nữ người dân tộc thiểu số

HỒ THỊ HIỀN*
DƯƠNG TIẾN DŨNG**

Tóm tắt

Vốn văn hóa là một khái niệm quan trọng trong nghiên cứu phát triển hiện nay. Việc nghiên cứu sinh kế của người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số cần quan tâm đến vốn văn hóa và tiếp cận vốn văn hóa. Tuy nhiên, vốn văn hóa và tiếp cận vốn văn hóa vẫn còn là cách tiếp cận khá mới mẻ trong bối cảnh nước ta hiện nay. Vì vậy, bài viết tìm hiểu về khái niệm và vận dụng cách tiếp cận vốn văn hóa vào việc phát triển sinh kế của người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, từ đó đưa ra những gợi mở quan trọng trong nhận thức và vận dụng nó để phát triển sinh kế trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: vốn văn hóa, phát triển sinh kế, phụ nữ, dân tộc thiểu số

Summary

Cultural capital is an important concept in research on development today. Research on the livelihoods of women in ethnic minority areas needs to pay attention to cultural capital and access to cultural capital. However, cultural capital and access to cultural capital are still quite new approaches in the current context of our country. Therefore, the article explores the concept and application of the cultural capital approach to the livelihood development of women in ethnic minority areas, thereby providing important suggestions in the awareness and application of this concept to livelihood development in the current period.

Keywords: cultural capital, livelihood development, women, ethnic minorities

GIỚI THIỆU

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã tạo điều kiện cho phụ nữ ngày càng phát huy hiệu quả vai trò quan trọng của mình khi tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, phụ nữ là một lực lượng quan trọng tham gia vào các hoạt động kinh tế, nhất là kinh tế thị trường ở các địa phương. Không chỉ có vai trò quan trọng trong việc gìn giữ, bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống, người phụ nữ có giữ vai trò quan trọng trong việc phát huy các giá trị di sản văn hóa vào phát triển kinh tế, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho gia đình. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, việc nghiên cứu sinh kế của người phụ nữ không dành những sự quan tâm đúng mức đối với vai trò của phụ nữ trong phát huy giá trị văn hóa vào phát triển kinh tế.

Mặt khác, những nghiên cứu về vốn văn hóa trong phát triển sinh kế ở Việt Nam lâu nay vẫn còn nhiều hạn

chế, chưa giành được nhiều sự quan tâm của các học giả. Trong khi đó, trên thực tế, vốn văn hóa từ lâu đã trở thành một nguồn lực quan trọng, được nhiều cộng đồng vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế. Trong đó, phải ghi nhận đóng góp của những người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số. Dù không mang nặng những diễn ngôn, nhiều người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số đã bằng nhiều cách thức khác nhau, đã vận dụng vốn văn hóa vào quá trình phát triển kinh tế của gia đình mình để tăng thêm thu nhập. Nhiều mô hình, nhiều loại hình phát triển cộng đồng từ vốn văn hóa đã được xây dựng và phát triển gắn với vai trò của người phụ nữ.

VỐN VĂN HÓA VÀ TIẾP CẬN VỐN VĂN HÓA TRONG NGHIÊN CỨU SINH KẾ

Thời gian gần đây, khái niệm về “vốn văn hóa” (Cultural Capital)

* TS., ** ThS., Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
Ngày nhận bài: 13/10/2023; Ngày phản biện: 29/10/2023; Ngày duyệt đăng: 10/12/2023

được quan tâm và nghiên cứu nhiều cả trong và ngoài nước. Trong công trình *"The Forms of Capital"* (Các hình thức của vốn), xuất bản năm 1986, Bourdieu trình bày khái niệm "vốn văn hóa" tồn tại dưới 3 hình thái quan trọng nhất là: Hình thái chủ quan (Embodied state), Hình thái khách quan (Objectified state) và Hình thái thể chế (Institutionalized state). Trong đó, hình thái chủ quan là các yếu tố văn hóa biểu hiện qua chủ thể của nó, tức là những yếu tố văn hóa tồn tại hiện hữu và lâu dài trong tâm trí và cơ thể của chủ thể văn hóa. Hình thái khách quan là hệ thống các yếu tố văn hóa ở dạng tồn tại hiện hữu khách quan ngoài con người chủ thể, là những hình thái vật chất cụ thể của vốn văn hóa, như: sách vở, công cụ, nhà cửa, trang thiết bị, máy móc... hay cả những sản phẩm trí tuệ, tinh thần, như: các dấu tích, việc thực hành các lý thuyết hay phê bình các lý thuyết... Hình thái thể chế là những yếu tố văn hóa tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hóa dựa trên những khuôn mẫu đó. Hiểu rộng ra, vốn văn hóa ở trạng thái thể chế là hệ thống các nguyên tắc, thể chế quy định tổ chức và hoạt động của các yếu tố văn hóa khác. Đó cũng là những giá trị chuẩn mực được xã hội, cộng đồng chấp nhận và tuân thủ.

Trong ba trạng thái này, Bourdieu nhấn mạnh vai trò của vốn văn hóa ở hình thái chủ quan, tuy nhiên, ông cũng xác định rõ: "Hầu hết các thuộc tính của vốn văn hóa có thể được rút ra từ thực tế, ở trạng thái cơ bản của nó, nó được liên kết với chủ thể văn hóa và phỏng đoán hiện thân" (Bourdieu, 1986, 244).

Ở Việt Nam, người đầu tiên đề cập đến vốn văn hóa là Trần Đình Hượu. Trong tiểu luận *"Một số mặt của vốn văn hóa truyền thống"*, Trần Đình Hượu (1996) xem vốn văn hóa cũng là những bản sắc văn hóa của dân tộc và nó có thể phân biệt với dân tộc khác về những nét đặc trưng riêng. Vốn văn hóa dù là ở dạng vật chất hay tinh thần đều là một nguồn lực quan trọng để phát triển và cũng là nhân tố để trong quá trình phát triển vẫn giữ gìn được bản sắc của mình, vẫn giữ được những dấu hiệu riêng biệt của mình. Sau đó, Trần Hữu Dũng (2002) cũng đã phân tích các khía cạnh của vốn văn hóa trong quá trình phát

triển và nhấn mạnh một số vấn đề quan trọng khi vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế, như: xác định mối liên hệ giữa giá trị văn hóa và giá trị kinh tế, xác định đóng góp của văn hóa và tổng thu nhập quốc dân, xác định rõ vai trò của văn hóa với phát triển bền vững hay phát huy giá trị vốn văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trong nhiều năm qua, nghiên cứu sinh kế là một góc độ tiếp cận quan trọng trong nhân học, đặc biệt là trong lĩnh vực nhân học phát triển. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, các tiếp cận về sinh kế thường gắn với các nghiên cứu về xóa đói giảm nghèo, vì vậy mà lại càng có thêm nhiều lý do để đặt nặng các nghiên cứu về sinh kế. Bởi, xóa đói giảm nghèo là mục tiêu quan trọng, là chương trình trọng điểm quốc gia trong nhiều năm qua.

Trong nghiên cứu sinh kế, tiếp cận về vốn là vấn đề quan trọng được nhiều nhà khoa học chú trọng. Nhưng, trong tiếp cận về vốn cũng thể hiện nhiều phương diện khác nhau từ cách thức tiếp cận đến diễn ngôn trình bày đều đa dạng và phong phú. Tiếp cận về vốn là tiếp cận về một nhân tố đầu vào quan trọng trong việc phát triển sinh kế và vốn cũng cần được tái đầu tư, tái sản xuất nên cũng là một nhân tố đầu ra cần thiết trong quá trình phát triển. Trong các cách tiếp cận về vốn, thì các nhà nghiên cứu chủ yếu xem xét vai trò của các nguồn vốn trong các hoạt động sinh kế cụ thể. Trong khoảng hai thập niên gần đây, tiếp cận vốn trong phát triển sinh kế và xóa đói giảm nghèo càng được quan tâm nhiều hơn. Trong đó, tiếp cận vốn xã hội với 2 hướng nghiên cứu chính là vận dụng khái niệm vốn xã hội vào các nghiên cứu trường hợp cụ thể và đưa ra các mô hình để phát triển sinh kế từ việc phát triển nguồn vốn xã hội.

Nhìn chung, khái niệm sinh kế bền vững (Sustainable livelihood) bắt nguồn từ những nghiên cứu trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo ở các nước, các vùng kém phát triển. Đối với các cộng đồng, vốn văn hóa giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển. Nếu phân tích sinh kế của một cộng đồng mà bỏ qua hay coi trọng chưa đúng mức vốn văn hóa, thì sẽ là một thiếu sót khó chấp nhận được. Vậy nên, trong phân tích khung sinh kế, cần phải phân tích vai trò của 6 loại vốn của cộng đồng mới có cái nhìn toàn diện hơn và sâu sắc hơn (Bùi Hào, 2020). Việc tiếp cận vốn và vốn văn hóa trong nghiên cứu sinh kế là một cách tiếp cận quan trọng đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm ở các góc độ khác nhau, mục tiêu khác nhau. Vì vậy, trong nghiên cứu về sinh kế của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, việc tiếp cận vốn văn hóa là vô cùng quan trọng.

TIẾP CẬN VỐN VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH KẾ CHO NGƯỜI PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Lâu nay, như một lối mòn trong tiếp cận vốn, khi đề cập đến đầu tư phát triển các nguồn vốn để phát



Có việc làm, thu nhập sẽ giúp phụ nữ tự tin, tăng dần vị thế trong xã hội

triển sinh kế cho phụ nữ người ta thường quan tâm đến vốn tài chính và vốn vật chất. Các biện pháp mà các nghiên cứu này đặt ra là tìm các cách thức để giúp người phụ nữ tiếp cận các nguồn lực tài chính hay vật chất nhằm phát triển sinh kế. Điều đó cũng có những lý lẽ riêng khi mà người phụ nữ ít khi được thừa hưởng các nguồn lực như tài chính hay vật chất từ cha mẹ. Khi họ đi lấy chồng có một phần của hồi môn nhưng không đáng kể, còn các quyền kế thừa những tài sản quan trọng, như: nhà cửa, đất đai, trâu bò..., thì phụ nữ có rất ít. Vì vậy, nhiều người xem đây là một trong những nguyên nhân làm cho phụ nữ thiếu hụt nguồn lực phát triển và để họ phát triển tốt, thì cần phải đầu tư, hỗ trợ họ tiếp cận các nguồn lực, như: tài chính, vật chất và cả nguồn vốn xã hội.

Gần đây, Bùi Minh Hào (2021) lại lập luận khác. Tác giả này cho rằng, nếu như đàn ông ở các cộng đồng theo chế độ phụ hệ được thừa hưởng nhiều của cải, tài sản từ cha mẹ truyền lại, thì những người phụ nữ lại được thừa hưởng nhiều tài sản văn hóa truyền thống: từ tri thức về trồng trọt, dệt may, thêu thùa đến các dân ca, dân vũ, kỹ năng quản trị gia đình... Đây là những nguồn vốn văn hóa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế. Chỉ là trong xã hội truyền thống, do nền kinh tế tự cung tự cấp, nên các nguồn vốn này khó tham gia vào phát triển kinh tế để tăng thu nhập cho họ được. Khi kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, người phụ nữ đã vận dụng vốn văn hóa của mình

vào phát triển kinh tế và thu được nhiều lợi ích. Sự phát triển kinh tế từ vốn văn hóa cũng làm cho vị thế của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội cũng tăng lên và tạo điều kiện để thực hiện bình đẳng giới. Qua nghiên cứu trường hợp người Dao ở Sa Pa, Bùi Minh Hào đã chứng minh những lập luận đó. Và, cách tiếp cận đó cũng gợi mở ra nhiều vấn đề cần quan tâm về vốn văn hóa trong phát triển sinh kế cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số.

Trước tiên, cần phải nhấn mạnh rằng, dù vận dụng tiếp cận vốn văn hóa trong phát triển sinh kế của người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số cho đến nay chưa được thực hiện nhiều, nhưng việc người dân vận dụng vốn văn hóa vào phát triển kinh tế để tăng thu nhập cho gia đình mình, thì đã xuất hiện từ lâu và được nhiều người phụ nữ thực hành. Nói vậy để thấy rõ hơn rằng, việc các nhà khoa học nhận thức, nghiên cứu và thực tiễn cuộc sống luôn có những khoảng cách như vậy. Mặt khác, dù các nghiên cứu trước đây không diễn ngôn một cách cụ thể về vốn văn hóa và vận dụng vốn văn hóa vào phát triển sinh kế của phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, nhưng có không ít các nhà nghiên cứu đã đề cập đến sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến hoạt động sinh kế của người phụ nữ. Vậy nên cũng có thể coi đó là những sự quan tâm dành cho vốn văn hóa ở phương diện khác hay diễn ngôn khác, như Michaud (2010) đã giải thích các hoạt động sinh kế của phụ nữ người Hmông ở vùng núi Tây Bắc từ bản sắc văn hóa của người Hmông chẳng hạn.

Thứ hai, tiếp cận vốn văn hóa có thể giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về thế mạnh của người phụ nữ trong quá trình phát triển, nhất là trong nền kinh tế thị trường. Sự mở rộng khái niệm vốn văn hóa hay xem văn hóa là một nguồn vốn giúp chúng ta nhìn rõ hơn về thực trạng, tiềm năng cũng như khả năng khai thác, vận dụng nguồn lực này vào quá trình phát triển. Cách tiếp cận như vậy giúp cho không chỉ việc nhận thức vấn đề mà còn gợi mở ra nhiều con đường cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao vị thế người phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới. Tiếp cận vốn văn hóa cũng cho chúng ta thấy được sự năng động của người phụ nữ vùng dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế thị trường. Ở đó, họ

không chỉ là thành trì gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống mà còn chủ động trong việc vận dụng các yếu tố văn hóa vào phát triển kinh tế một cách phù hợp.

Cuối cùng, tiếp cận vốn văn hóa còn gợi mở ra nhiều phương hướng trong việc phát triển bền vững sinh kế của phụ nữ nói riêng cũng như phát triển bền vững địa phương, vùng miền, cộng đồng nói chung. Vốn văn hóa hình thành và phát triển dựa trên sự hài hòa giữa các nhân tố trong thời gian dài, nên nó có đặc tính bền vững. Phát triển sinh kế dựa vào vốn văn hóa là con đường phát triển cần thiết trong bối cảnh các nguồn lực tự nhiên vốn hữu hạn đang ngày càng cạn kiệt. Phát triển sinh kế từ vốn văn hóa cũng phát huy được thế mạnh của người phụ nữ, qua đó giúp họ có vị thế cao hơn nên đảm bảo được sự bình đẳng hơn về mặt xã hội và kinh tế. Từ đó cũng góp phần đảm bảo sự bền vững xã hội. Không những vậy, phát triển từ vốn văn hóa cũng làm giảm sức ép lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tăng cường việc bảo vệ môi trường.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG TẦM VỊ THẾ PHỤ NỮ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐỂ PHÁT TRIỂN SINH KẾ HIỆN NAY

Để tạo điều kiện giúp phụ nữ tham gia đóng góp nhiều hơn nữa vào phát

triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt các quan điểm, mục tiêu công tác phụ nữ trong tình hình mới. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TƯ và Chỉ thị số 21-CT/TƯ, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hai là, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành cần quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu công tác phụ nữ trong tình hình mới từ đó tổ chức lãnh đạo, xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, tạo bước chuyển biến về chất lượng và hiệu quả công tác phụ nữ ở từng ngành, địa phương, đơn vị.

Ba là, quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, theo đó, cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng. Sớm xác định những ngành, những lĩnh vực phù hợp, phát huy được thế mạnh của phụ nữ, những chức danh lãnh đạo và quản lý cần có cán bộ nữ, từ đó có kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và sử dụng. Chú ý phát hiện tài năng trẻ và có quy trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp để sớm đề bạt, sử dụng.

Bốn là, phụ nữ cần phấn đấu, vươn lên, nhận rõ hơn vai trò, trách nhiệm của mình trong xã hội và gia đình. Bên cạnh đó, không ngừng nỗ lực, tự nắm bắt xu thế cũng như các cơ hội giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, để từ đó vươn lên và phát huy tiềm năng đóng góp tích cực vào hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourdieu, P. (1986), *The Forms of Capital*, In Richardson, J. G. (ed.), *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, New York: Greenwood Press, 241-258.
2. Bùi Hào (2020), Nghiên cứu sinh kế của người dân tộc thiểu số ở miền núi trong bối cảnh hiện đại, *Tạp chí Khoa học công nghệ Nghệ An*, số 5.
3. Bùi Minh Hào (2021), Vốn văn hoá trong phát triển du lịch cộng đồng (nghiên cứu trường hợp người Dao ở xã Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 1(193), 22-34.
4. Đinh Thị Vân Chi (2021), Khái luận về “Vốn văn hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa*, số 37, 85-92.
5. Nguyễn Tuấn Anh (2013), Vốn xã hội và kinh tế hộ gia đình qua hoạt động của các nhóm tín dụng phi chính thức ở nông thôn Bắc Trung Bộ, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3, 20-32.
6. Nguyễn Văn Chính (2021), Nguồn lực văn hoá và phát triển cộng đồng: một tiếp cận nhân học, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5(227), 3-16.
7. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh (2013), Vốn xã hội - Một nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế nông thôn, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, số 1(64), 38-48.
8. Trần Đình Hượu (1996), *Một số mặt của vốn văn hóa truyền thống*, trong “Đến hiện đại từ truyền thống”, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
9. Trần Hữu Dũng (2002), Vốn văn hóa, *Tạp chí Tia Sáng*, số 1.
10. Trần Thị An (2017), Mối quan hệ giữa vốn văn hoá và vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi ở Việt Nam cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số tháng 11.